SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ SƠN HOÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 412 /QĐ-TTYT

Sơn Hòa, ngày 12 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp các gói thầu thuốc thuộc Dự toán mua sắm thuốc lần 3 phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ SƠN HOÀ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 01/07/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quân, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế về việc quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/09/2026 của Bộ Tài Chính về quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk ban hành qui định về thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 0132/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn số 04889 /SYT-NVYD ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk về việc chủ động mua sắm thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTYT ngày 23/9/2026 của Trung tâm Y tế Sơn Hoà V/v Hủy thầu các mặt hàng thuốc không có nhà thầu tham dự và không lựa chọn được nhà thầu trúng thầu Gói thầu GE04/2026: Cung cấp thuốc Generic, thuộc Dự toán mua sắm thuốc lần 2 phục vụ công tác điều trị của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTYT ngày 23/9/2026 của Trung tâm Y tế Sơn Hoà V/v Hủy thầu các mặt hàng thuốc không có nhà thầu tham dự và không lựa chọn được nhà thầu trúng thầu Gói thầu DL05/2026: Cung cấp thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền, thuộc Dự toán mua sắm thuốc lần 2 phục vụ công tác điều trị của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026.

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 1441/TTr-TTYT ngày 12/10/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp các gói thầu thuốc thuộc Dự toán mua sắm thuốc lần 3 phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp các gói thầu thuốc thuộc Dự toán mua sắm thuốc lần 3 phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026 với nội dung chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông, (bà) Hội đồng Mua sắm, Tổ Chuyên gia và Trưởng các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ SƠN HÒA

BSCKI. LÊ THỊ THANH NHÀN

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Cung cấp các gói thầu thuốc thuộc dự toán mua sắm thuốc lần 3 phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026.

(Kèm theo Quyết định số: 412 /QĐ-TTYT ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế Sơn Hoà)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*								
1	Trung tâm Y tế Sơn Hoà	Gói thầu GE06/2026: Cung cấp thuốc Generic	Cung cấp 36 mặt hàng thuốc Generic (chi tiết đính kèm Phụ lục II)	**486.243.500** *(Bốn trăm tám mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng*	Nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh năm 2026	Chào giá trực tuyến rút gọn	30 ngày	Tháng 10/2026	Đơn giá cố định (xét theo từng phần của gói thầu)	150 ngày	Không
2		Gói thầu DL07/2026: Cung cấp thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền	Cung cấp 01 mặt hàng thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền (chi tiết đính kèm Phụ lục II)	**20.650.000** *(Hai mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*	Nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh năm 2026	Chào giá trực tuyến rút gọn	30 ngày	Tháng 10/2026	Đơn giá cố định (xét theo từng phần của gói thầu)	150 ngày	Không
Tổng giá các gói thầu thuộc dự toán: 506.893.500 đồng *(Năm trăm lẻ sáu triệu tám trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng*											

PHỤ LỤC II

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp các gói thầu thuốc thuộc

Dự toán mua sắm thuốc lần 3 phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh

của Trung tâm Y tế Sơn Hòa năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: 412 /QĐ-TTYT ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế Sơn Hoà)

I. Gói số GE06/2026: Gói thầu thuốc generic.

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch (VNĐ)	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi chú
1	Nhôm hydroxid + Magnesi hydroxid + Simethicon	(351,9mg + 400mg + 50mg)/10 ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	Gói	5.000	3.300	16.500.000	
2	Acarbose	50mg	Uống	Viên nén	4	Viên	5.000	540	2.700.000	
3	Aciclovir	400mg	Uống	Viên	4	Viên	3.300	1.550	5.115.000	
4	Allopurinol	300mg	Uống	Viên nén	4	Viên	9.000	480	4.320.000	
5	Amlodipin	5mg	Uống	Viên nén	3	Viên	80.000	135	10.800.000	
6	Atorvastatin	20mg	Uống	Viên nén	4	Viên	40.000	140	5.600.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch (VNĐ)	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi chú
7	Atropin sulfat	0,25mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Lọ	100	780	78.000	
8	Bambuterol hydroclorid	20mg	Uống	Viên nén	4	Viên	3.000	609	1.827.000	
9	Bisoprolol	5mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	5.000	125	625.000	
10	Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	5.000	638	3.190.000	
11	Cồn 70°	500ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	4	Chai	300	28.000	8.400.000	
12	Dobutamin	250mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm/tiêm truyền	4	Lọ	20	55.000	1.100.000	
13	Drotaverin	80mg	Uống	Viên nén	3	Viên	2.500	1.050	2.625.000	
14	Fenofibrate	160mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	30.000	590	17.700.000	
15	Mỗi túi chứa: Gelatin khan (dưới dạng gelatin lỏng biến tính); Natri clorid; Magnesi clorid	Mỗi túi 500ml chứa: Gelatin khan (dưới dạng gelatin lỏng biến	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	1	Túi	40	110.000	4.400.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch (VNĐ)	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi chú
	hexahydrat; Kali clorid; Natri lactat (dưới dạng dung dịch natri (S)-lactat)	tính) 15g; Natri clorid 2,691g; Magnesi clorid hexahydrat 0,1525g; Kali clorid 0,1865g; Natri lactat (dưới dạng dung dịch natri (S)-lactat) 1,68g								
16	Glyceryl trinitrat	10mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	1	Ống	10	105.000	1.050.000	
17	Hyoscin butylbromid	20mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Ống	2.000	2.900	5.800.000	
18	Ringer Lactat	500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	4	Chai	4.000	7.350	29.400.000	
19	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	3	Viên	2.000	885	1.770.000	
20	Methylergometrin maleat	0,2mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Lọ	30	11.900	357.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch (VNĐ)	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi chú
21	Acetyl leucin	500mg	Uống	Viên nén	4	Viên	2.000	355	710.000	
22	N-Acetyl-DL-Leucin	500mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Ống	10.000	7.000	70.000.000	
23	Natri clorid	4,5g/500ml x 500ml	Dùng ngoài	Dung dịch vô khuẩn dùng trong phẫu thuật	4	Chai	120	7.100	852.000	
24	Natri clorid	0,9%/500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	4	Chai	1.000	6.720	6.720.000	
25	Nicardipin hydroclorid	10mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Ống	10	83.200	832.000	
26	Paracetamol	325mg	Uống	Viên nén	4	Viên	5.000	120	600.000	
27	Piracetam	400mg	Uống	Viên nang cứng	4	Viên	3.000	330	990.000	
28	Tizanidine	10mg	Uống	Viên nén	4	Viên	10.000	495	4.950.000	
29	Tobramycin	80mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Lọ	4.500	4.300	19.350.000	
30	Trimetazidin dihydroclorid	35mg	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	3	Viên	332.000	419	139.108.000	
31	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 100mg +	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	51.000	1.050	53.550.000	

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch (VNĐ)	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi chú
		150mcg								
32	Sorbitol	5g	Uống	Bột pha dung dịch uống	4	Gói	500	2.625	1.312.500	
33	Acetylcystein	200mg	Uống	Thuốc cốm	4	Gói	58.000	609	35.322.000	
34	Acetylcystein	200mg	Uống	Viên nang cứng	4	Viên	48.000	180	8.640.000	
35	Diosmin + Hesperidin	450mg + 50mg	Uống	Viên	4	Viên	10.000	1.050	10.500.000	
36	Calci lactat	500mg/ 10ml	Uống	Dung dịch uống	4	Gói	3.000	3.150	9.450.000	
	Tổng cộng: 36 mặt hàng								**486.243.500**	

II. Gói thầu DL07/2026: Cung cấp thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền:

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)	Ghi chú
1	Cao khô Kim tiền thảo; Cao khô hỗn hợp (Bạch mao căn; Binh lang; Chỉ thực; Hậu phác; Hoàng cầm; Nhân trần; Nghệ; Đại hoàng; Mộc hương	Cao khô Kim tiền thảo 90mg tương đương Kim tiền thảo 1000mg; Cao khô hỗn hợp 230mg tương đương với: Nhân trần 250mg; Hoàng cầm 150mg; Nghệ 250mg; Binh lang 100mg; Chỉ thực 100mg; Hậu Phác 100mg; Bạch mao căn 500mg; Mộc hương 100mg; Đại Hoàng 50mg	Uống	Viên nén bao phim	3	Viên	35.000	590	20.650.000	
	Tổng cộng: 01 mặt hàng								**20.650.000**	